

BIỂU PHÍ BẢO LÃNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH PHI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(Thời gian hiệu lực: từ 05/05/2026)

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
A. BẢO LÃNH		
I Phát hành bảo lãnh		
1	Phát hành bảo lãnh ký quỹ 100%	0,75% /năm TT: 25 USD/500.000 VND
2	Phát hành bảo lãnh ký quỹ <100%	
2.1	Bảo lãnh dự thầu, bảo hành, thực hiện hợp đồng, hoàn tạm ứng	1,8%/ năm TT: 25 USD/500.000 VND
2.2	Bảo lãnh vay vốn	2,6%/năm TT: 25 USD/500.000 VND
2.3	Bảo lãnh thanh toán và các Bảo lãnh khác	2,2%/năm TT: 25 USD/500.000 VND
3	Phát hành bảo lãnh có thay đổi tỷ lệ ký quỹ từ 100% xuống dưới 100% trong thời gian hiệu lực của bảo lãnh	Phí thu tương ứng với thời gian, mức phí, tỷ lệ ký quỹ thực tế của bảo lãnh đã phát hành tương ứng.
4	MSB phát hành Bảo lãnh đối ứng	Theo thỏa thuận (trên cơ sở phí của MSB và phí của NH khác phát hành)
II Sửa đổi bảo lãnh		
1	Sửa đổi tăng số tiền và/hoặc gia hạn bảo lãnh	Như mục A.I (tính trên số tiền tăng thêm và/hoặc thời gian kéo dài thêm) TT: 15 USD/300.000 VND TĐ: Thỏa thuận
2	Sửa đổi khác	15 USD/300.000 VND/1 lần sửa đổi
III Dịch vụ khác		
1	Hủy bảo lãnh theo yêu cầu của khách hàng/Phát hành lại Bảo lãnh do hư hỏng/thất lạc	15 USD/300.000 VND
2	Phát hành bảo lãnh khác mẫu	Như Mục A.I + 200.000 VND + phí dịch thuật (nếu có)
3	Thông báo bảo lãnh/Thông báo sửa đổi/Hủy bỏ Bảo lãnh (Áp dụng cho Bảo lãnh Quốc tế)	15 USD/300.000 VND
B ĐIỆN PHÍ VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC		
I Phí thu Khách hàng trong nước		
1	Điện phí phát hành Bảo lãnh	40 USD/lần hoặc 1.000.000 VND/lần
2	Điện phí khác/Phí tra soát/Phí chuyên tiếp điện	15 USD/lần hoặc 300.000 VND/lần
4	Cước phí chuyển phát	Theo thực tế phát sinh
5	Dịch thuật	Theo thực tế phát sinh

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
C	PHÍ KHÁC	Theo thỏa thuận với Khách hàng (trên cơ sở tham khảo ý kiến của Chức năng Phát triển sản phẩm và Giải pháp (TT.PCC, FI) và xin phê duyệt của TGD FI/P.TGD FI)